

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc hỗ trợ kinh phí cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (đợt 38)

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 585/STC-NSHX ngày 01/3/2022 và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 455/SLĐTBXH-VP ngày 28/02/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1.

1. Giải quyết kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với 4.323 đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền là 7.169.960.000 đồng (Bảy tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng), bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ 3.906 đối tượng là trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế, số tiền: 5.918.960.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ đối với 417 hộ kinh doanh, số tiền: 1.251.000.000 đồng.

## 2. Nguồn kinh phí để thực hiện

- Giao UBND thành phố Vinh và các huyện, thị xã: Nam Đàn, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu, Đô Lương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Quế Phong, Con Cuông và Hoàng Mai sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã, số tiền: 1.075.494.000 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng) để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.

- Tạm ứng ngân sách tỉnh, số tiền: 6.094.466.000 (Sáu tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) cấp cho các cơ quan, đơn vị để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.

(Có Phụ biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Nghệ An làm thủ tục cấp phát, quản lý theo quy định. Cơ quan, đơn vị được cấp kinh phí chịu trách nhiệm tổ chức chi trả cho các đối tượng kịp thời và quyết toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Nghệ An; Chủ tịch UBND thành phố Vinh và các huyện, thị xã: Nam Đàn, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu, Đô Lương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Quế Phong, Con Cuông, Hoàng Mai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- PCVP VX UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

PHỤ BIỂU

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỢT 38)

(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh

DVT kinh phí: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số đối tượng	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó, đối tượng hỗ trợ:								Số đối tượng	Kinh phí	Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã để thực hiện chi trả	Ngân sách tính cấp tạm ứng		
				Trẻ em và người điều trị Covid-19 (F0), cách ly y tế (F1)												Hộ kinh doanh	
				Số đối tượng	Tổng kinh phí	Bao gồm:										Số đối tượng	Kinh phí
						Hỗ trợ tiên án đối tượng F1		Hỗ trợ thêm đối với trẻ em		Hỗ trợ thêm cho NCT,NKT							
Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí								
<i>Mức hỗ trợ (triệu đồng)</i>							0,08/ngày		1,00		1,00		3,00				
A	B	1	2	7	8		8.2		8.3		8.4	9	10	13	14=2-13		
1	Thành phố Vinh	91	273,000	0	0,000				0		0	91	273	40,950	232,050		
2	Huyện Nam Đàn	536	813,880	510	735,880	510	554,880	166	166	15	15	26	78	122,082	691,798		
3	Huyện Nghi Lộc	53	60,000	53	60,000	53	60,000				0		0	9,000	51,000		
4	Huyện Quỳnh Lưu	300	900,000	0	0,000						0	300	900	135,000	765,000		
5	Huyện Đô Lương	0	6,000	0	6,000				0	6	6		0	0,900	5,100		
6	Huyện Anh Sơn	123	104,640	123	104,640	123	88,640	15	15	1	1		0	15,696	88,944		
7	Huyện Tân Kỳ	6	367,720	6	367,720	6	6,72	360	360	1	1		0	55,158	312,562		
8	Huyện Quế Phong	2.220	3.247,960	2220	3.247,960	2.220	2.268,96	968	968	11	11		0	487,194	2.760,766		
9	Huyện Con Cuông	0	4,000	0	4,000				0	4	4		0	0,600	3,400		
10	Thị xã Hoàng Mai	994	1.392,760	994	1.392,760	994	1.053,760	339	339		0		0	208,914	1.183,846		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.323</b>	<b>7.169,960</b>	<b>3.906,00</b>	<b>5.918,960</b>	<b>3.906,00</b>	<b>4.032,960</b>	<b>1.848,00</b>	<b>1.848,00</b>	<b>38,00</b>	<b>38,00</b>	<b>417</b>	<b>1.251,00</b>	<b>1.075,494</b>	<b>6.094,466</b>		

